

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/DS-ST  
Ngày: 06-9-2022  
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản giữa bà P với  
ông C, bà L.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lý Đông Hòa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

Bà Phạm Thị Kim Thảo

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

***-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2022 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 168/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

***1.Nguyên đơn:*** Bà D T P, sinh ngày 28-6-1972

CMND số 351393119 do công an tỉnh An Giang cấp ngày 20-6-2019

Nơi cư trú: Số nhà 788, đường H S, Tổ 20, khóm H L II, thị trấn A C, huyện C T, tỉnh An Giang.

Có mặt tại phiên tòa.

***2.Bị đơn:*** 1/Ông N N C, sinh ngày 06-10-1963

CCCD số 089063016434 cấp ngày 10-5-2021

Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 06-9-2022

2/Bà N T K L, sinh ngày 25-8-1964

CCCD số 089164015721 cấp ngày 10-5-2021

Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 05-9-2022

Nơi cư trú: Số nhà 518, ấp H T, xã H B T, huyện C T, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 17-5-2022; Biên bản hòa giải ngày 08-8-2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà D T P trình bày:*

Vào ngày 15-8-2020, bà N T K L có thể chấp cho bà 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông N N C, để vay 20.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, mục vay để xoay sở trong gia đình.

Ngày 20-12-2020, bà L mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông N N C, đồng thời bà Loan có viết “*Giấy xác nhận*” ghi ngày 20-12-2020 có bà L ký tên xác nhận, có thỏa thuận tính lãi nhưng không ghi lãi suất. Thỏa thuận tháng 02-2022 bà L sẽ trả lại bà vốn vay và tiền lãi.

Khi bà L thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vay tiền không có mặt ông N N C, sau đó bà cũng không báo lại ông C biết việc bà L thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vay tiền.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xem xét buộc bà N T K L trả lại cho bà vốn vay là 20.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật theo mức 10%/năm, thời gian tính kể từ ngày 15-8-2020 cho đến ngày tòa án xét xử vụ án. Bà xin rút lại yêu cầu ông C liên đới với bà L trả nợ bà.

*Tại Biên bản hòa giải ngày 08-8-2022, bị đơn ông N N C trình bày:* Vào tháng 8/2020, ông không có thể chấp cho bà D T P giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông, ông không có vay tiền của bà P, nên ông không đồng ý trả nợ cho bà P.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21-7-2022; Biên bản hòa giải ngày 08-8-2022 và đơn xin xét xử vắng ngày 05-9-2022, bị đơn bà N T K L trình bày:* Vào ngày 20-12-2020, bà có hỏi vay của bà D T P 20.000.000 đồng, khi vay có lập “*Giấy xác nhận*” có bà ký tên xác nhận nợ, mục đích vay để trả nợ của cá nhân, lãi suất thỏa thuận nhưng không ghi trong “*Giấy xác nhận*”. Nay bà P khởi kiện yêu cầu bà trả nợ, bà đồng ý trả nợ cho bà P vốn gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật theo mức 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày vay 15-8-2020 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án. Bà xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:*

*1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

*2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà L trả lại nguyên đơn vốn vay là 20.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật là 10%/năm, thời gian tính từ ngày vay 15-8-2020 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án là ngày 06-9-2022. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà P yêu cầu ông C liên đới cùng bà L trả nợ. Bị đơn bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đối với bị đơn ông N N C, bà N T K L, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; bị đơn ông C, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với bị đơn ông C, bà L.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Căn cứ vào đơn khởi kiện. Đối chiếu quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 463 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ địa chỉ bị đơn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[4] *Về thời hiệu khởi kiện*: Căn cứ “*Giấy xác nhận*” ghi ngày 20-12-2020 do nguyên đơn cung cấp được bị đơn thừa nhận. Ngày 17-5-2022, nguyên đơn khởi kiện. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 429; Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 184 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện (Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm).

[5] *Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự*:

Căn cứ “*Giấy xác nhận*” ghi ngày 20-12-2020 do nguyên đơn cung cấp được bị đơn thừa nhận;

Căn cứ đơn khởi kiện ngày 17-5-2022;

Căn cứ Biên bản lấy lời khai của bà N T K L ngày 21-7-2022;

Căn cứ Biên bản hòa giải ngày 08-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang,

Từ căn cứ trên có cơ sở kết luận, vào ngày 15-8-2020 giữa nguyên đơn bà P và bị đơn bà L có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền vay là 20.000.000 đồng; thỏa thuận tháng 02-2022 bà L sẽ trả lại bà P vốn vay và tiền lãi, có thỏa thuận tính lãi, nhưng không thỏa thuận lãi suất; khi vay có lập “*Giấy xác nhận ngày 20-12-2020*” có bà L ký tên xác nhận nợ. Quá trình tố tụng và tại đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn bà L xác nhận có nợ và đồng ý trả cho nguyên đơn vốn vay là 20.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức 10%/năm kể từ ngày 15-8-2020 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án là ngày 06-9-2022, bị đơn bà L yêu cầu trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Xét Hợp đồng vay tài sản được xác lập ngày 20-12-2020, giữa nguyên đơn với bị đơn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 463 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì hợp đồng hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn đã

tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức, chủ thể, nội dung; không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tài sản trên có hiệu lực pháp luật.

*[5.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

*[5.1.1] Đối với yêu cầu trả lại vốn vay:* Do hợp đồng vay tài sản trên có hiệu lực pháp luật và đây là hợp đồng vay có kỳ hạn; nguyên đơn đã giao đủ tiền cho bị đơn, đến hạn trả nợ bị đơn không trả lại vốn vay cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn có yêu cầu nhận lại vốn vay. Tại Biên bản hòa giải ngày 08-8-2022 và tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà L xác nhận có nợ và đồng ý trả nợ nhưng yêu cầu được trả dần. Xét quan hệ tranh chấp trên bị đơn là người có lỗi đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là trả lại vốn vay khi đến hạn. Việc vi phạm này ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Các Điều 463, 465, 466 và Điều 470 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì yêu cầu của nguyên đơn được nhận lại một lần vốn vay là 20.000.000 đồng là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*[5.1.2] Đối với yêu cầu tính lãi:* Do hợp đồng vay tài sản trên có hiệu lực pháp luật và đây là hợp đồng vay có kỳ hạn; nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận tính lãi, nhưng không thỏa thuận lãi suất. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý tính lãi theo mức 10%/năm. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì lãi suất nguyên đơn yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi được tính là: Từ ngày 15-8-2020 đến ngày 06-9-2022 là 752 ngày, tiền lãi là 4.120.000đ (20.000.000đ x 752 ngày x 10% : 365 ngày).

Tổng cộng vốn lãi là 24.120.000 đồng.

*[5.1.3] Đối với việc xin rút lại yêu cầu ông C liên đới cùng bà L trả nợ:* Quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 244 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông C liên đới cùng bà L trả nợ cho bà P.

*[5.2] Xét yêu cầu của bị đơn bà N T K L:* Bà L xác nhận có nợ và đồng ý trả cho nguyên đơn vốn vay là 20.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức 10%/năm kể từ ngày 15-8-2020 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án là ngày 06-9-2022, bị đơn bà L yêu cầu trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, không được nguyên đơn chấp nhận. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Các Điều 463, 464, 465, 466, 467, 468 và 470 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì yêu cầu của bị đơn bà L không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*[6] Về án phí:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Do buộc bị đơn bà L có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn 24.120.000 đồng, nên bị đơn bà L phải chịu 1.206.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự,

Nguyên đơn bà P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06-9-2022).

Bị đơn ông C, bà L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 184; khoản 2 Điều 244; Các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 429, 463, 465, 466, 468, 470 Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D T P.

[2] Buộc bị đơn bà N T K L phải trả cho nguyên đơn bà D T P số tiền còn nợ là 24.120.000đ (hai mươi bốn triệu một trăm hai mươi ngàn đồng).

[3] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Đình chỉ xét xử của nguyên đơn bà D T P đối với yêu cầu ông N N C liên đới cùng bà N T K L trả nợ cho bà D T P.

[5] Về án phí:

Hoàn trả cho nguyên đơn bà D T P 920.000đ (chín trăm hai mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002553 ngày 15-6-2022 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bị đơn bà N T K L phải chịu 1.206.000đ (một triệu hai trăm linh sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà D T P; có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06-9-2022).

Bị đơn ông N N C, bà N T K L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Lý Đông Hoà**